

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 109/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Út
- Ông Trương Thành Phương

Thư ký phiên tòa: ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thanh T, sinh năm 2003;

Địa chỉ: ấp L xã L huyện C tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 2002;

Địa chỉ: ấp C xã L huyện C tỉnh Long An.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thanh T trình bày:

Do quen biết nên bà và ông Nguyễn Trọng N đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022, có tổ chức cưới hỏi, được gia đình 2 bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L Đông huyện C vào ngày 27/6/2022. Sau khi cưới bà và ông N sống chung nhà chồng tại ấp C xã L. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia

đình, ông N không đi làm, không có thu nhập, mọi chi tiêu trong gia đình, chi phí nuôi con do bà chịu nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 3/2024 bà và ông N không còn sống chung với nhau nữa, bà về nhà cha mẹ ruột sống. Từ đó đến nay bà và ông N không có gặp nhau cũng không bên nào có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: bà và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Thảo N1, sinh ngày: 08/3/2023, hiện đang do bà nuôi dưỡng, về con chung sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng N trình bày:
~~Thẩm phán xét thấy đây là trường hợp ly hôn do mâu thuẫn nội bộ trong gia đình, không có căn cứ để ly hôn, nên không cho ly hôn.~~

Về con chung: ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Thảo N1, sinh ngày: 08/3/2023, hiện đang do bà T nuôi dưỡng, về con chung sau khi ly hôn ông đồng ý để bà T tiếp tục nuôi con, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, trường hợp bà T không có khả năng nuôi thì giao con lại cho ông nuôi, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Phạm Chí H – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thanh T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà Đặng Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thảo N1, sinh ngày: 08/3/2023, giao con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Đặng Thanh T cung cấp trong vụ án là: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao CCCD của bà T, bản sao giấy khai sinh con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Đặng Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trọng N. Ông N cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp ly hôn*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, thấy rằng: bà T và ông N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L Đông huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/6/2022 nên hôn nhân của bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do do kinh tế gia đình, ông N không đi làm, không có thu nhập, mọi chi tiêu trong gia đình, chi phí nuôi con do bà T chịu. Theo ông N nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên ông N và bà T thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 3/2024 bà T và ông N không còn sống chung với nhau nữa. Từ đó đến nay bà T và ông N không có gặp nhau cũng không ai có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông N. Trong quá trình giải quyết vụ án, trước yêu cầu ly hôn của bà T, ông N đồng ý. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà các bên đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp.

[3] Về con chung: bà T và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Thảo N1, sinh ngày: 08/3/2023, hiện đang sống với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng. Ông N đồng ý để bà T tiếp tục nuôi con tuy nhiên ông N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, trường hợp bà T không có khả năng nuôi thì giao con lại cho ông N nuôi, ông N không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy con chung hiện do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống ổn định, phát triển bình thường và hiện con chung dưới 36 tháng tuổi. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Thảo N1, sinh ngày: 08/3/2023 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: xét thấy việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi bà T và ông N ly hôn không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của bà T và ông N. Bà T là người trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng, ông N không đồng ý. Căn cứ vào Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Mức cấp dưỡng nuôi con theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định “Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang

cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Căn cứ vào Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ: Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì mức lương tối thiểu vùng hiện nay của huyện C là 4.410.000 đồng.

Tuy nhiên bà T chỉ yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, xét thấy phù hợp với quy định pháp luật. Do đó buộc ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thảo N1 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Trọng N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thanh T về việc "Ly hôn" với ông Nguyễn Trọng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đặng Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thảo N1, sinh ngày: 08/3/2023. Giao con chung tên Nguyễn Thảo N1 cho bà Đặng Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Trọng N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thảo N1, sinh ngày: 08/3/2023 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Toà án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Đặng Thanh T chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011807 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, hoàn trả cho bà Đặng Thanh T 150.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa. Ông Nguyễn Trọng N phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm